

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **188/2025/HC-ST**

Ngày: 13/5/2025

V/v khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Phú Hợp**

Ông **Vũ Văn Thịnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Tuyết Nhung**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà **Hoàng Thị Hồng Chiêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 13/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 47/2022/TLST-HC ngày 22/02/2022 về việc khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2023/QĐXXST-HC ngày 05/9/2023, Quyết định hoãn phiên phiên tòa số 276/2023/QĐHPT-HC ngày 25/9/2023, Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng số 628/TB-HC ngày 06/11/2023; Quyết định hoãn phiên phiên tòa số 332/2023/QĐHPT-HC ngày 17/11/2023, Quyết định tạm ngừng phiên phiên tòa số 333/2023/QĐTNPT-HC ngày 19/12/2023, Thông báo 617/TB-HC ngày 18/7/2024 về việc thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện; Quyết định tạm đình chỉ số 02/2024/QĐTĐC-HC ngày 30/9/2024, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 815/2024/QĐGQ-HC ngày 25/10/2024, Quyết định hoãn phiên phiên tòa số 46/2025/QĐHPT-HC ngày 21/4/2025; giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Quách Văn T** sinh năm 1938; chết ngày 19/6/2024 tại địa chỉ: Số 50A Làng Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội gồm:

- Bà **Nguyễn Thị T1** sinh năm 1943 (Vắng mặt có ủy quyền)
- Ông **Quách Hùng P** sinh năm 1965 (Vắng mặt có ủy quyền)
- Bà **Quách Kim H** sinh năm 1968 (Vắng mặt có ủy quyền)
- Ông **Quách Tuấn V** sinh năm 1977 (Vắng mặt có ủy quyền)

Cùng địa chỉ: Số 50A Làng Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

5. Bà **Im H1** (tên cũ là **Quách Thanh H1**) sinh năm 1971, quốc tịch Hàn Quốc; địa chỉ: 202, B, 70_2 B, D, Chungcheongnam-do, Korea. (Vắng mặt có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Hà Minh T2** sinh năm 1976; địa chỉ: Số 593 phố V, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; điện thoại: 091238xxxx (Có mặt)

Người bị kiện: **Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T** ; địa chỉ: Số 657 đường L, phường X, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông **Nguyễn Đình K** , Chủ tịch UBND quận T. (Vắng mặt có ủy quyền)
2. Ông **Hoàng Tuấn A**, Phó chủ tịch; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định 2958/QĐ-UBND ngày 30/11/2023, vắng mặt có đơn)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông **Nguyễn Duy M**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)
2. Ông **Kiều Văn T3**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng là chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường quận T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ủy ban nhân dân phường Y, quận T**

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Hoài N**, Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của UBND phường Y (Vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 14/11/1992, ông Quách Văn T có đơn gửi UBND phường Y với nội dung: Gia đình có 01 cầu ao vẫn thường dùng để sinh hoạt, làm chỗ bồi và phơi giấy màu; nay xin phép được dựng túp lều diện tích khoảng 18m² ở ngay cầu ao để sản xuất.

Ngày 27/11/1992, UBND phường Y xác nhận trên đơn của ông T với nội dung: Ông Quách Văn T xin làm lán tạm để phục vụ làm kinh tế gia đình là công trình có tính tạm thời. Tuy vậy, trong việc thi công và sử dụng phải không gây ảnh hưởng bất tiện hoặc ảnh hưởng tới chất lượng các công trình có trước. Nếu gây thiệt hại phải bồi hoàn. Cần chú ý an toàn khi thi công và sử dụng.

Tại tờ Bản đồ 8H-1-37 lập năm 1993-1997 phường Y và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 02/7/1996 do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thể hiện thửa đất số 1 diện tích 73,9m² là đất trồng công cộng.

Ngày 22/12/1998, UBND thành phố Hà nội ban hành Quyết định 73/1998/QĐ-UB về quy chế tiếp nhận, quản lý hồ sơ và diện tích đất công, đất chưa sử dụng của UBND phường, xã trên địa bàn thành phố.

Thực hiện Quyết định 73/1998/QĐ-UB ngày 22/12/1998 của UBND thành phố Hà nội, ngày 15/11/1999 UBND phường Y đã lập Biểu điều tra đất công, đất chưa sử dụng và bản Tổng hợp diện tích đất công, đất chưa sử dụng bàn giao cho UBND phường Y để quản lý theo địa giới hành chính trong đó có thửa đất số 1 tờ Bản đồ 8H-1-37 diện tích 73,9m² đất công.

Ngày 20/12/1999, UBND thành phố Hà nội có Quyết định 5559/QĐ-UB giao hồ sơ đất công cho UBND các phường của quận T.

Ngày 18/4/2000, Sở Địa chính – Nhà đất đã lập Biên bản bàn giao hồ sơ và diện tích đất công, đất chưa sử dụng cho UBND phường Y quản lý gồm: 01 biểu điều tra thửa đất và diện tích các loại đất công, đất chưa sử dụng theo ranh giới hành chính của phường Y ; 01 biểu tổng hợp diện tích đất công, đất chưa sử dụng theo ranh giới hành chính của phường Y ; 1 tờ bản đồ vị trí đất công, đất chưa sử dụng tỷ lệ 1/2000 theo địa giới hành chính phường, trên đó đất công và đất chưa sử dụng được thể hiện bằng bút màu; bản đồ đất công, đất chưa sử dụng được thể hiện ranh giới và diện tích từng thửa đất sẽ được Sở Địa chính – Nhà đất bàn giao cho UBND phường Y cùng với bản đồ địa chính chính thức.

Ngày 22/11/2005, UBND phường Y lập biên bản họp hội đồng xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà đất thuộc diện GPMB kê Hồ T, một số người dân có ý kiến trước đây diện tích đất ông T sử dụng là cầu ao chung.

Tại Biên bản 129/BB-CLBHN-YP-KSTL ngày 26/5/2005 kiểm tra tình hình sử dụng nhà đất, Phiếu xác nhận quá trình nguồn gốc sử dụng nhà đất ngày 25/11/2005 của UBND phường Y và Quyết định 46/QĐ-UBND ngày 19/01/2006 của UBND quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Ti định cư GPMB thực hiện Dự án Xây dựng HTKT xung quanh hồ T đoạn Cầu lạc bộ H – làng Y - Khách sạn T (gói thầu số 9 đoạn Cầu lạc bộ H – làng Y - Khách sạn T đợt 4), gia đình ông T sử dụng 55,2m² trong tổng diện tích 73,9m² thửa đất số 1 tờ bản đồ 8H-I-37, bị thu hồi 15,73m² đất không được bồi thường về đất do sử dụng đất công trước 15/10/1993, chỉ được bồi thường tài sản trên đất; diện tích còn lại 39,47m².

Ông T khiếu nại phương án bồi thường nhưng không nhận được quyết định giải quyết khiếu nại mà chỉ được nhận Kết luận Thanh tra số 69/KL-TTr ngày 09/02/2007 của Thanh tra quận T có nội dung: Nguồn gốc đất là cầu ao chung của làng Y. Gia đình ông T đổ đất san lấp đến tháng 11/1992 dựng lán tạm để sản xuất giấy màu và đã được UBND phường xác nhận là công trình tạm thời phục vụ làm kinh tế gia đình. Năm 1999, gia đình ông T xây bể nuôi cá, UBND phường đã xác nhận vào đơn xin phép của ông T là chỉ sử dụng tạm, khi nhà nước GPMB gia đình phải tự dỡ bỏ không đòi hỏi bồi thường. Việc ông T đề nghị được bồi thường đất ở đối với diện tích 15,73m² là không có cơ sở. Kiến nghị Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Ti định cư quận điều chỉnh Phương án bồi thường thiệt hại và hỗ trợ GPMB hỗ trợ công tôn tạo đất cho ông T; kiến nghị UBND quận T ra quyết định giải quyết khiếu nại của T theo đúng Luật khiếu nại.

Ngày 08/6/2020, Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND quận T có Thông báo số 40/TB-VP về kết luận của Phó chủ tịch UBND quận tại cuộc họp rà soát tiến độ thực hiện đối với điểm đấu giá QSD đất trong đó có đất xen kẹt trong khu dân cư số 4 phường Y có nội dung giao UBND phường xác định nguồn gốc, mục đích sử dụng, đường vào thửa đất tại thời điểm hiện tại và tổ chức thu hồi đất.

Ngày 11/8/2020, UBND phường Y có Thông báo số 95/TB-UBND đề nghị gia đình ông T bàn giao đất đang sử dụng thuộc đất công cho UBND phường quản lý và thực hiện công Tc đấu giá quyền sử dụng đất theo Thông báo 40/TB-VP trước ngày 31/8/2020.

Ngày 12/01/2021, UBND phường Y tiếp tục có Thông báo số 11/TB-UBND đề nghị gia đình ông T bàn giao khu đất trước ngày 31/01/2021.

Ngày 18/3/2021, UBND phường Y thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 10/03/BB-VPHC đối với ông T về hành vi chiếm đất công, vi phạm Khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Ngày 24/5/2021, Chủ tịch UBND quận T ban hành **Quyết định 1333/QĐ-KPHQ** áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất lấn chiếm.

Ông T khiếu nại. Ngày 03/11/2021, Chủ tịch UBND quận T ban hành **Quyết định 3860/QĐ-CTUBND** giải quyết khiếu nại đã giữ nguyên và tiếp tục thi hành Quyết định 1333/QĐ-KPHQ.

Ngày 09/12/2021, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định **76/QĐ-CCXP** cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, việc tổ chức cưỡng chế chưa được thực hiện.

Tại các Đơn khởi kiện ngày 24/12/2021, ngày 27/12/2021, ngày 17/11/2022, ngày 18/02/2022, ông Quách Văn T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND quận T áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Hủy Quyết định 76/QĐ-CCXP ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND quận T cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; hủy Quyết định 386/QĐ-CTUBND ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại.

Ngày 19/6/2024, ông Quách Văn T chết. Những người thừa kế của ông T kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của T. Theo người khởi kiện, diện tích đất hiện gia đình đang sử dụng trước đây là mặt nước hồ T do gia đình san lấp năm 1989 và đã được UBND phường đồng ý cho gia đình xây dựng vào năm 1992. Gia đình đã sử dụng liên tục, ổn định, đóng thuế suốt từ năm 1992 đến nay đã 30 năm và đã được UBND nắm rõ qua các thời kỳ. Nhưng sau 30 năm, UBND tiến hành lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính nhằm mục đích thu hồi đất để tổ chức bán đấu giá là không đúng với thực tế sử dụng đất và pháp luật hiện hành.

Thửa đất gia đình người khởi kiện đang sử dụng có nguồn gốc đất mặt nước Hồ T, gia đình lấp đất làm nhà ở trước ngày 15/10/1993, không tranh chấp, phù

hợp quy hoạch đất ở (vì UBND quận thu hồi đất của ông T để bán đấu giá quyền sử dụng đất ở), thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Điểm c Khoản 2 Điều 22 Nghị định 43/2014/CP-NĐ ngày 15/04/2014 của Chính phủ; Điểm b Khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019.

Khi UBND lập biên bản không mời gia đình đến hiện trường nơi vi phạm, tự vẽ sơ đồ thửa đất, không đo vẽ thực địa mà tự viết ra số liệu diện tích đất là 36,9m² trong khi diện tích ông T sử dụng là 55,2m² (đã trừ ngõ), bị thu hồi 15,73m² thì phải còn 39,47m². Người chứng kiến ký vào biên bản nhưng không có mặt tại thời điểm lập biên bản. Biên bản có nhiều tờ, nhiều phần bỏ trống nhưng không gạch bỏ phần trống, không cho ký từng tờ. Biên bản lập ngày 18/03/2021 nhưng không giao ngay cho người vi phạm 01 bản, cũng không chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt là chủ tịch UBND quận T. Biên bản ghi ông T có 02 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản để giải trình trực tiếp, 05 ngày để giải trình bằng văn bản nhưng Biên bản lập ngày 18/03/2021 đến tận ngày 03/04/2021 UBND phường mới gửi qua đường bưu điện cho gia đình ông T đã làm mất quyền giải trình của ông T quy định tại Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Biên bản vi phạm hành chính xác định ông T chiếm đất công theo Khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019. Tuy nhiên, khái niệm chiếm đất công không có trong văn bản này và cũng không có trong bất kỳ văn bản pháp luật nào khác.

Việc UBND phường Y tự tổ chức buổi giải trình vào ngày 26/4/2021 là không đúng pháp luật về thời hạn, nội dung, thẩm quyền tổ chức và đối tượng chủ trì vì theo quy định tại Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính thì việc tổ chức và chủ trì buổi giải trình này là thuộc về người có thẩm quyền xử phạt tức chủ tịch UBND quận T.

Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất lấn chiếm là vô lý vì đất được hình thành do ông T đổ đất lấp hồ nên trước khi vi phạm thì không có thửa đất nào để nhà nước quản lý và không thể khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Theo Điểm a Khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/2019/CP-NĐ, biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm áp dụng đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; nhưng trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này; cụ thể điểm b là buộc đăng ký đất đai theo quy định đối với trường hợp có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Như vậy, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng sai căn cứ pháp lý.

Quan điểm của Chủ tịch UBND quận T: Theo bản đồ lập năm 1994 được Sở địa chính Hà Nội xác nhận ngày 06/12/1996 thể hiện thửa đất gia đình

ông T sử dụng là thửa số 1 tờ bản đồ 8H-I-37 diện tích 73,9m². Tại hồ sơ đất công do UBND thành phố Hà Nội bàn giao cho UBND phường quản lý theo quyết định 5559/QĐ-UB ngày 20/12/1999 thì thửa đất này thuộc đất nhỏ lẻ. Khi gia đình ông T bị thu hồi 1 phần đất để thực hiện dự án Xây dựng HTKT xung quanh Hồ T thì không được bồi thường về đất, chỉ được hỗ trợ công tôn tạo. Hành vi vi phạm của ông Quách Văn T là chiếm đất, do đó hậu quả cần được khắc phục là khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm được quy định tại Điểm 1 Khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo hướng giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện.

Ý kiến của UBND phường Y: Ngoài bản đồ lập năm 1994, UBND phường không sử dụng, quản lý, lưu giữ bản đồ nào khác. Năm 2005, khi điều tra GPMB diện tích đất của gia đình ông T là 55,2m², giảm so với bản đồ năm 1994 là do mở lối đi từ trong xóm ra Hồ T (nay là đường kè Hồ T) và đường đi cũ của xóm (hiện là đường đi của xóm thuộc phía Tây Bắc của thửa đất).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Quách Văn T; tuyên hủy các quyết định hành chính bị kiện; Chủ tịch UBND quận T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn khởi kiện ngày 27/12/2021 của ông Quách Văn T là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Tại đơn khởi kiện ngày 27/12/2021, ông Quách Văn T có những yêu cầu khởi kiện không thuộc đối tượng, không có quyền khởi kiện như buộc UBND quận T công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2022, ông Quách Văn T đã sửa lại yêu cầu khởi kiện theo thông báo của Tòa án, chỉ còn yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định 76/QĐ-CCXP ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND quận T cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng đối tượng khởi kiện vụ án hành chính quy định tại Khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 của ông Quách Văn T bổ sung đối với Quyết định 386/QĐ-CTUBND ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại là trong thời hiệu và phạm vi khởi kiện.

Ngày 19/6/2024, ông Quách Văn T chết mà quyền, nghĩa vụ của ông T được thừa kế nên Tòa án đã đưa những người thừa kế của ông Quách Văn T vào tham gia tố tụng với tư cách Người khởi kiện theo quy định tại Điều 59 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND quận T áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

[2.1] Theo Khoản 2 Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP quy định, chiếm đất là tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép.

Căn cứ Đơn ngày 14/11/1992 của ông Quách Văn T có xác nhận của UBND phường Y ngày 27/11/1992, Đơn xin chứng nhận ngày 06/01/2006 của ông T, Biên bản họp ngày 22/11/2005 của UBND phường Y về việc xác nhận quá trình nguồn gốc sử dụng đất thuộc diện GPMB kê Hồ T và Phiếu xác nhận quá trình nguồn gốc sử dụng nhà đất ngày 25/11/2005 của UBND phường Y xác định: Diện tích gia đình ông T sử dụng có nguồn gốc là cầu ao chung của xóm; gia đình ông T tự ý đổ đất từ năm 1989 đến năm 1991 hoàn thành mảnh đất cầu ao nhưng được UBND phường Y là cơ quan quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương cho phép sử dụng làm nhà ở phục vụ sản xuất của gia đình từ trước ngày 15/10/1993.

Như vậy, ông Quách Văn T không tự ý sử dụng đất mà được UBND phường Y cho phép nên ông T không có hành vi chiếm đất. Biên bản vi phạm hành chính số 01/03/BB-VPHC ngày 18/3/2021 của UBND phường Y và Điều 2 Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND quận T xác định ông T có hành vi chiếm đất là không đúng.

[2.2] Về loại đất:

[2.2.1] Mặc dù đã được yêu cầu nhưng UBND phường Y, UBND quận T và Sở Tài nguyên và Môi trường đều không cung cấp được hồ sơ địa chính lập trước ngày 15/10/1993 để xác định loại đất gia đình ông Quách Văn T sử dụng trước ngày 15/10/1993 là loại đất gì.

Căn cứ Đơn ngày 14/11/1992 của ông Quách Văn T có xác nhận của UBND phường Y ngày 27/11/1992, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty địa chính Hà Nội lập ngày 24/3/2003, Đơn xin chứng nhận ngày 06/01/2006 của ông T và Biên bản họp ngày 22/11/2005 của UBND phường Y xác định loại đất ông T sử dụng trước khi được UBND phường cho phép làm nhà là đất mặt nước Hồ T, được người dân trong làng sử dụng làm cầu ao, sau đó gia đình ông Quách Văn T đã đổ đất san lấp để tạo thành mặt đất, nhưng vẫn dành lối đi cho người dân từ trong làng (ngách 83 ngõ 76 phố Y) ra bờ hồ T từ trước ngày 14/11/1992.

Theo bản đồ địa chính và hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc ngày 04/7/1994 do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp, thửa số 1 mảnh bản đồ 8H-I-37 diện tích 73,9m² là đất trống công cộng.

Do nhận thấy hiện trạng thửa đất trên bản đồ là đất trống không phù hợp với lời khai của người khởi kiện và Đơn ngày 14/11/1992 của ông Quách Văn T có xác nhận của UBND phường Y ngày 27/11/1992 nên Tòa án đã thuê Công ty cổ phần phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ Hà Nội thực hiện việc đo đạc bản đồ xác định mốc giới, chuyển đổi từ hệ tọa độ HN-72 thành hệ tọa độ VN-2000, xác định vị trí thửa đất tại số 74 phố V trên bản đồ đã số hóa và số hóa các tờ bản

đôi 8H-I-37, 8H-I-31 phường Y. Kết quả, vị trí thửa đất số 1 mảnh bản đồ 8H-I-37 trùng khớp nhà đất số 74 phố V mà gia đình ông T đang sử dụng.

Như vậy, thửa đất số 1 mảnh bản đồ 8H-I-37 nay là số 74 phố V theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1994 là đất trồng công cộng nhưng thực tế gia đình ông T đã sử dụng làm nhà ở từ trước ngày 15/10/1993.

[2.2.3] Từ Luật đất đai năm 1987 đến Luật đất đai năm 2013 đều không có khái niệm đất công mà chỉ có Quy chế về việc tiếp nhận, quản lý hồ sơ và diện tích đất công, đất chưa sử dụng của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định 73/1998/QĐ-UB ngày 22/12/1998 của UBND thành phố Hà Nội sử dụng khái niệm *đất công* là *đất được sử dụng vào mục đích công cộng* để xây dựng: đường giao thông, cầu, cống, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, sông, hồ, đê, đập, trường học, bệnh viện, chợ, công viên, vườn hoa, khu vui chơi cho trẻ em, quảng trường, sân vận động, sân bay, bến cảng và các công trình công cộng khác.

Tại Bản Tổng hợp diện tích đất công, đất chưa sử dụng, Biểu điều tra đất công, đất chưa sử dụng ngày 15/11/1999 của UBND phường Y và Quyết định 5559/QĐ-UB ngày 20/12/1999 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao hồ sơ đất công đều xác định thửa đất số 1 tờ bản đồ 8H-I-37 diện tích 73,9m² mà gia đình ông T đang sử dụng là đất nhỏ lẻ thuộc đất công.

Đến Quyết định 46/QĐ-UBND ngày 19/01/2006 của UBND quận T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Ti định cư GPMB thực hiện Dự án gói thầu số 9 đoạn Cầu lạc bộ H – làng Y - Khách sạn T (đợt 4) kèm Phương án BT Thiệt hại và hỗ trợ GPMB ngày 19/01/2006 của ông T, Bảng tổng hợp phương án bồi thường hỗ trợ GPMB, Kết luận Thanh tra số 69/KL-TTr ngày 09/02/2007 của Thanh tra quận T và Quyết định 474 ngày 13/02/2007 của Chủ tịch UBND quận T giải quyết khiếu nại của ông T về phương án bồi thường cũng đều xác định diện tích gia đình ông T sử dụng là đất công thời điểm trước ngày 15/10/1993.

Tại các Thông báo số 95/TB-UBND ngày 11/8/2020, Thông báo số 11/TB-UBND ngày 12/01/2021 và Biên bản vi phạm hành chính số 01/03/BB-VPHC ngày 18/3/2021 của UBND phường Y cũng đều xác định diện tích đất gia đình ông T đang sử dụng là *đất công*.

Tuy nhiên, Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND quận T về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả lại xác định là *đất chưa sử dụng*. Như vậy, loại đất Quyết định 1333/QĐ-KPHQ áp dụng để xử lý vi phạm không phù hợp với loại đất đã xác định tại Biên bản vi phạm hành chính số 01/03/BB-VPHC ngày 18/3/2021 của UBND phường Y và các văn bản trước đó của UBND phường và UBND quận T.

[2.3] Biên bản vi phạm hành chính số 01/03/BB-VPHC ngày 18/3/2021 của UBND phường Y và các văn bản trước đó của UBND phường và UBND quận T xác định ông T có hành vi chiếm đất và loại đất ông T chiếm là đất công – đất sử dụng vào mục đích công cộng thì không có căn cứ để Chủ tịch UBND quận T ban

hành Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND quận T về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vì Nghị định 91/2019/NĐ-CP chỉ quy định hành vi chiếm đất chưa sử dụng (Khoản 5 Điều 14) hoặc hành vi chuyển đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh sang đất thương mại, dịch vụ (Khoản 3 Điều 12) chứ không có xử lý đối với hành vi chiếm đất sử dụng vào mục đích công cộng hoặc đất sử dụng vào mục đích công cộng sang đất ở, đất thương mại, dịch vụ.

Tuy nhiên, Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND quận T lại áp dụng Khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP để buộc ông T khắc phục hậu quả đối với hành vi chiếm đất chưa sử dụng là không đúng với loại đất xác định trong Biên bản vi phạm hành chính số 01/03/BB-VPHC ngày 18/3/2021 của UBND phường Y và các văn bản trước đó của UBND phường và UBND quận T.

[2.4] Như vậy, Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND quận T về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đã ban hành không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình người khởi kiện.

[3] Quyết định 3860/QĐ-CTUBND ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND quận T về giải quyết khiếu nại và Quyết định số 76/QĐ-CCXP ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND quận T cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đã giữ nguyên và thi hành Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND quận T về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ban hành trái pháp luật nên cũng không đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Quách Văn T về việc hủy Quyết định 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND quận T áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, hủy Quyết định 386/QĐ-CTUBND ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại, hủy Quyết định 76/QĐ-CCXP ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND quận T cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Chủ tịch UBND quận T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai các năm 1987, 1993, 2003, 2013; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Quách Văn T (chết ngày 19/6/2024) gồm các ông/bà Nguyễn Thị T1, Quách Hùng P, Quách Kim H, Quách Tuấn V, Im H1 (tức Quách Thanh H1).

[2] Hủy các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại sau đây:

[2.1] Quyết định số 1333/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2021 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

[2.2] Quyết định số 386/QĐ-CTUBND ngày 03/11/2021 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

[2.3] Quyết định số 76/QĐ-CCXP ngày 09/12/2021 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

[3] Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T phải nộp **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[4] Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội
- Cục Thi hành án DSTP Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa